

Số: **5472** /QĐ-BNN-CN

Hà Nội, ngày **30** tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế chứng nhận và Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn, gà an toàn trong nông hộ thuộc vùng dự án LIFSAP tại một số tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT TỈNH ĐỒNG NAI	
DẾN	Số: 16
	Thời gian: 11/01/16
Chuyên:	

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Hiệp định tài trợ Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm ký ngày 10/12/2009 và Hiệp định tài trợ khoản vay bổ sung Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm ký ngày 07/07/2015 giữa Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Thế giới;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chứng nhận cơ sở thực hiện quy trình thực hành chăn nuôi tốt trong nông hộ; Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn an toàn trong nông hộ; Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gà an toàn trong nông hộ thuộc vùng dự án LIFSAP tại một số tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

1. Quyết định số 1947/QĐ-BNN-CN ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Ban hành quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn an toàn trong nông hộ;

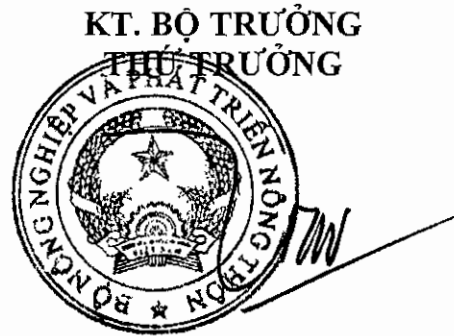
2. Quyết định số 1948/QĐ-BNN-CN ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gà an toàn trong nông hộ;

3. Quyết định số 2970/QĐ-BNN-CN ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chứng nhận sản phẩm chăn nuôi được sản xuất theo Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn, gà an toàn trong nông hộ thuộc vùng dự án LIFSAP tại một số tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Bộ NN-PTNT;
- Lưu VT, CN. (40)



Vũ Văn Tám

QUY CHẾ

Quy chế chứng nhận cơ sở chăn nuôi thực hiện quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn, gà an toàn trong nông hộ (VietGAHP nông hộ)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5472/QĐ-BNN-CN ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc chứng nhận cơ sở chăn nuôi lợn, gà an toàn quy mô nông hộ trong vùng Dự án LIFSAP phù hợp với Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn, gà an toàn trong nông hộ
2. Đối tượng áp dụng: là các tổ chức, cá nhân chăn nuôi lợn, gà theo quy mô chăn nuôi nông hộ trong vùng Dự án LIFSAP tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chăn nuôi nông hộ* là hình thức chăn nuôi tại hộ gia đình, với quy mô dưới mức trang trại.
2. *Cơ sở chăn nuôi nhiều thành viên* trong Quy chế này là nhóm GAHP hoặc tổ hợp tác hoặc hợp tác xã chăn nuôi.

- *Nhóm GAHP* chăn nuôi lợn/gà là một tổ chức xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện của những người chăn nuôi đồng sở thích ở cùng thôn/xã (hoặc trong đương) có nguyện vọng áp dụng VietGAHP nông hộ trong chăn nuôi được hỗ trợ từ Dự án LIFSAP.

- *Tổ hợp tác* chăn nuôi lợn/ gà là một tổ chức được thành lập theo hướng dẫn của Nghị định số 151/2007/NĐ-CP, Thông tư số 04/2008/TT-BKHĐT; trên tinh thần tự nguyện hợp tác của các thành viên là các chủ hộ chăn nuôi gà, lợn với quy mô nông hộ và cùng đồng thuận áp dụng Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn, gà trong nông hộ.

- *Hợp tác xã* chăn nuôi lợn/ gà là một tổ chức được thành lập theo hướng dẫn của Luật số 23/2012/QH13, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; trên tinh thần tự nguyện hợp tác của các thành viên là các chủ hộ chăn nuôi lợn, gà với quy mô nông hộ và cùng đồng thuận áp dụng Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn, gà trong nông hộ.

3. Quy trình thực hành chăn nuôi tốt trong nông hộ (gọi tắt là VietGAHP nông hộ) là những nguyên tắc, trình tự, hướng dẫn nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm gia súc, gia cầm, sức khoẻ người chăn nuôi và người tiêu dùng; bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.

Chương II

TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIETGAHP NÔNG HỘ

Điều 3. Tổ chức chứng nhận VietGAHP nông hộ

Tổ chức chứng nhận sản phẩm chăn nuôi được sản xuất theo Quy trình thực hành chăn nuôi tốt đối với tổ chức và cá nhân hộ chăn nuôi lợn, gà theo hình thức chăn nuôi nông hộ trong vùng dự án LIFSAP tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1. Các Tổ chức chứng nhận đáp ứng quy định tại Điều 5, 6 Chương II Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (sau đây gọi tắt là Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT).

2. Các Tổ chức chứng nhận là đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 5; điểm a, b, c khoản 1 và khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT.

Điều 4. Cơ quan chỉ định và trình tự thủ tục chỉ định

1. Cơ quan chỉ định

a) Cục Chăn nuôi chỉ định các Tổ chức chứng nhận theo khoản 1 Điều 3 của Quy chế này.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia Dự án LIFSAP chỉ định các Tổ chức chứng nhận theo khoản 2 Điều 3 của Quy chế này.

2. Trình tự, thủ tục chỉ định và quản lý hoạt động Tổ chức chứng nhận được thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này và Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13 Chương II Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT.

Chương III

ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN VIETGAHP NÔNG HỘ

Điều 5. Đánh giá, chứng nhận VietGAHP nông hộ

Việc đánh giá, chứng nhận VietGAHP nông hộ đối với tổ chức và cá nhân chăn nuôi lợn, gà áp dụng VietGAHP nông hộ trong vùng dự án LIFSAP tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT.

Tiêu chí và phương pháp đánh giá VietGAHP nông hộ được hướng dẫn tại Phụ lục 1 của Quy chế này.

Điều 6. Giấy chứng nhận VietGAHP nông hộ

1. Giấy chứng nhận VietGAHP nông hộ có hiệu lực tối đa 02 năm kể từ ngày cấp. Đối với các giấy chứng nhận VietGAHP nông hộ được cấp trước thời điểm Quy chế này ban hành thì sẽ tiếp tục có hiệu lực trong 02 năm kể từ ngày cấp.

2. Giấy chứng nhận VietGAHP nông hộ theo quy định tại Phụ lục 2 của Quy chế này.

3. Mã chứng nhận VietGAHP nông hộ theo quy định tại Phụ lục 3 của Quy chế này.

Điều 7. Chi phí hoạt động chứng nhận VietGAHP nông hộ

1. Mọi chi phí cho hoạt động liên quan đến chứng nhận VietGAHP nông hộ do Dự án Cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (LIFSAP) hỗ trợ.

2. Hoạt động liên quan đến chứng nhận VietGAHP nông hộ bao gồm:

- a) Đào tạo, tập huấn cấp chứng chỉ đánh giá VietGAHP nông hộ;
- b) Hoạt động kiểm tra, đánh giá, giám sát của Tổ chức chứng nhận;
- c) Hoạt động của Cơ quan chỉ định trong việc kiểm tra, giám sát đối với Tổ chức chứng nhận, cơ sở sản xuất.

Điều 8. Cơ quan giám sát hoạt động chứng nhận VietGAHP nông hộ

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia Dự án LIFSAP là Cơ quan giám sát hoạt động Tổ chức chứng nhận VietGAHP nông hộ.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở sản xuất

1. Trách nhiệm

- a) Thực hiện VietGAHP nông hộ theo đúng phạm vi được chứng nhận.
- b) Có hành động khắc phục sai phạm đúng thời hạn khi bị nhắc nhở hoặc đình chỉ chứng nhận VietGAHP nông hộ.
- c) Chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các sản phẩm được công bố sản xuất theo VietGAHP nông hộ. Khi phát hiện lô sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm, cơ sở sản xuất phải tạm dừng phân phối sản phẩm để điều tra xác định nguyên nhân và tiến hành biện pháp khắc phục. Trường hợp không tự khắc phục được, phải báo cáo với Ban quản lý dự án LIFSAP và Tổ chức chứng nhận để có biện pháp xử lý phù hợp.

2. Quyền hạn

- a) Được bảo lưu ý kiến nếu không đồng ý với kết luận của đoàn kiểm tra.
- b) Khiếu nại về kết quả kiểm tra, chứng nhận VietGAHP theo quy định của pháp luật.
- c) Được sử dụng logo, mã số chứng nhận VietGAHP nông hộ để quảng bá thương hiệu sản phẩm.
- d) Được hưởng chế độ hỗ trợ của Dự án LIFSAP.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban quản lý Dự án LIFSAP tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Trách nhiệm

- a) Hỗ trợ kỹ thuật cho cơ sở sản xuất áp dụng VietGAHP nông hộ trong khuôn khổ Dự án;
- b) Lập danh sách cơ sở sản xuất đề nghị cấp giấy chứng nhận VietGAHP nông hộ;
- c) Ký hợp đồng cấp giấy chứng nhận VietGAHP nông hộ với Tổ chức chứng nhận;
- d) Chi trả toàn bộ kinh phí cho tổ chức chứng nhận và các cơ quan liên quan trong hoạt động cấp giấy chứng nhận VietGAHP nông hộ.

2. Quyền hạn

- a) Phối hợp với Cơ quan chỉ định giám sát hoạt động kiểm tra, chứng nhận VietGAHP nông hộ của Tổ chức chứng nhận;
- b) Phối hợp với Cơ quan chỉ định tiến hành kiểm tra hoạt động chứng nhận VietGAHP nông hộ của Tổ chức chứng nhận; cơ sở sản xuất.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ chức chứng nhận

1. Trách nhiệm

- a) Thực hiện hoạt động chứng nhận VietGAHP nông hộ theo đúng quy định;
- b) Xây dựng chi tiết trình tự, thủ tục kiểm tra, chứng nhận VietGAHP nông hộ cho từng sản phẩm theo đúng quy định;
- c) Báo cáo việc chứng nhận VietGAHP nông hộ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Thông báo cho Cơ quan chỉ định ngay khi có thay đổi ảnh hưởng tới năng lực hoạt động chứng nhận VietGAHP nông hộ.

2. Quyền hạn

- a) Chứng nhận VietGAHP nông hộ theo quy định;
- b) Giám sát việc thực hiện VietGAHP nông hộ của cơ sở sản xuất được cấp chứng nhận.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký, đánh giá, chỉ định Tổ chức chứng nhận theo quy định tại Chương II Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT;

b) Giám sát việc thực hiện hoạt động kiểm tra, chứng nhận VietGAHP nông hộ của Tổ chức chứng nhận do Sở chỉ định theo quy định;

c) Báo cáo danh sách Tổ chức chứng nhận, danh sách cơ sở sản xuất được cấp Giấy chứng nhận VietGAHP nông hộ về Cục Chăn nuôi và Ban Quản lý Trung ương Dự án LIFSAP.

2. Quyền hạn:

a) Cấp, thu hồi Quyết định chỉ định Tổ chức chứng nhận theo quy định;

b) Giám sát hoạt động kiểm tra, chứng nhận VietGAHP nông hộ của Tổ chức chứng nhận theo thẩm quyền.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của Cục Chăn nuôi

1. Trách nhiệm

a) Tổ chức đào tạo, tập huấn về VietGAHP nông hộ cho các tổ chức, cá nhân liên quan;

b) Tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ về đánh giá, giám sát, chứng nhận VietGAHP nông hộ cho các chuyên gia đánh giá VietGAHP nông hộ;

c) Giải quyết khiếu nại liên quan đến chứng nhận VietGAHP nông hộ theo quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn

a) Giám sát hoạt động kiểm tra, chứng nhận VietGAHP nông hộ của Tổ chức chứng nhận;

b) Thanh tra, kiểm tra hoạt động chứng nhận VietGAHP nông hộ của các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tổ chức chứng nhận; cơ sở sản xuất.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban quản lý Trung ương Dự án LIFSAP

1. Trách nhiệm

a) Phối hợp với Cục Chăn nuôi trong giám sát hoạt động kiểm tra, chứng nhận VietGAHP của Tổ chức chứng nhận;

b) Tham gia đào tạo, tập huấn về kiểm tra, chứng nhận VietGAHP nông hộ cho các Tổ chức chứng nhận và cơ sở sản xuất;

c) Cấp kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động liên quan đến đào tạo, tập huấn VietGAHP nông hộ.


2. Quyền hạn

a) Phối hợp với Cục Chăn nuôi giám sát hoạt động kiểm tra, chứng nhận VietGAHP nông hộ của Tổ chức chứng nhận;

b) Phối hợp với Cục Chăn nuôi kiểm tra hoạt động chứng nhận VietGAHP nông hộ của các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tổ chức chứng nhận; cơ sở sản xuất.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản mới.

Trong quá trình thực hiện, tổ chức, cá nhân nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh liên quan đến hoạt động chứng nhận VietGAHP cần phản ánh về Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời giải quyết. 

**KT. BỘ TRƯỞNG
PHỤ TRƯỞNG**



Vũ Văn Tám

PHỤ LỤC 1

BẢNG TIÊU CHÍ VÀ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5471/QĐ-BNN-CN ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. BẢNG TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Bảng kiểm tra đánh giá VietGAHP lợn nông hộ.

Số TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ áp dụng	Yêu cầu cần đạt	Phương pháp đánh giá	Kết quả		Hành động khắc phục	Thời hạn hoàn thành
					Đạt	Không đạt		
Vị trí, hệ thống hạ tầng chuồng trại và thiết bị dụng cụ chăn nuôi								
1	Vị trí	B	Cách biệt với khu nhà ở, cách biệt nguồn nước sinh hoạt	Theo sổ tay GAHP và quan sát				
2	Ranh giới/tách biệt	A	Có tường bao/ hàng rào kín, có cổng ra vào khu chuồng nuôi và hố khử trùng tại cổng ra vào	Theo sổ tay GAHP và quan sát				
3	Nền	A	Nền chuồng không đọng nước	Theo sổ tay GAHP và quan sát				
4	Mái, tường, rèm che	B	Không dột và tránh được gió lùa	Theo sổ tay GAHP và quan sát				
5	Xử lý chất thải	A	Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng	Theo sổ tay GAHP và quan sát				
6	Dụng cụ, thiết bị	B	Có dụng cụ, thiết bị chỉ dùng riêng cho chăn nuôi	Theo sổ tay GAHP và quan sát				
Giống và quản lý giống								
7	Nguồn gốc con giống	A	Có nguồn gốc rõ ràng và ghi chép đầy đủ	Kiểm tra sổ ghi chép				

Số TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ áp dụng	Yêu cầu cần đạt	Phương pháp đánh giá	Kết quả		Hành động khắc phục	Thời hạn hoàn thành
					Đạt	Không đạt		
8	Sức khỏe con giống	A	Đã được tiêm phòng đầy đủ	Giấy chứng nhận tiêm phòng (nếu có), xem sổ ghi chép và phỏng vấn.				
9	Quản lý vật nuôi	B	- Nuôi tách riêng khi mới mua về có ghi chép - Không nuôi lẫn các lứa lợn khác nhau - Không nuôi chung với các loài vật khác	Quan sát, phỏng vấn và xem sổ ghi chép.				
Thức ăn chăn nuôi và quản lý thức ăn								
10	Nguồn gốc	A	Có xuất xứ (địa chỉ nơi bán, nơi sản xuất..) rõ ràng và có ghi chép	Quan sát và xem sổ ghi chép				
11	Yêu cầu vệ sinh	B	- Thức ăn đậm đặc, thức ăn hỗn hợp, nguyên liệu để làm thức ăn phải đảm bảo vệ sinh, không ẩm mốc - Thức ăn tận dụng phải được nấu chín trước khi cho ăn	Quan sát				
12	Yêu cầu kỹ thuật	B	- Thức ăn đậm đặc phải có hương dẫn phối trộn phù hợp với loại lợn, lứa tuổi - Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp hoàn chỉnh phải có dấu hợp quy; - Thức ăn tự phối trộn phải có công thức.	Quan sát và xem sổ ghi chép.				
13	Bảo quản	B	- Thức ăn chăn nuôi phải để trên kệ, tránh ẩm mốc - Được đóng bao kín tránh rơi vãi - Có nơi bảo quản riêng, tránh côn trùng, chuột bọ...	Quan sát				

Số TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ áp dụng	Yêu cầu cần đạt	Phương pháp đánh giá	Kết quả		Hành động khác phục	Thời hạn hoàn thành
					Đạt	Không đạt		
Nước								
14	Nước dùng trong chăn nuôi	B	- Nước sinh hoạt/ nước đã qua xử lý - Đủ nước uống cho vật nuôi	Quan sát				
15	Nước thải	B	- Được xử lý qua hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật	Theo Sổ tay GÁHP và quan sát				
Công tác thú y và vệ sinh thú y								
16	Khử trùng chuồng trại	A	- Khử trùng toàn bộ chuồng trại trước khi đưa vật nuôi vào 07 ngày và ngay sau khi xuất bán - Định kỳ phun thuốc khử trùng xung quanh chuồng trại	Phỏng vấn và xem sổ ghi chép				
17	Vệ sinh chuồng trại	B	Hàng ngày quét dọn, thu gom chất thải rắn và chất thải lỏng	Quan sát				
18	Bảo hộ lao động	B	- Thay quần áo, bảo hộ lao động khi ra vào khu vực chăn nuôi - Định kỳ khử trùng quần áo, bảo hộ lao động	Quan sát				
19	Kiểm soát ra vào khu vực chăn nuôi	A	- Khử trùng giày dép khi ra vào trại - Phương tiện, dụng cụ trước khi đưa ra/vào trại phải được khử trùng	Quan sát				
20	Tiêm phòng	A	-Tiêm phòng đầy đủ các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc và có ghi chép	Xem sổ ghi chép				
21	Thuốc thú y	B	- Các loại thuốc thú y, kể cả kháng sinh khi mua và sử dụng phải theo hướng dẫn của Bác sĩ thú y và có ghi chép đầy đủ; - Có nơi bảo quản	Xem sổ ghi chép				

Handwritten signature

Số TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ áp dụng	Yêu cầu cần đạt	Phương pháp đánh giá	Kết quả		Hành động khắc phục	Thời hạn hoàn thành
					Đạt	Không đạt		
22	Chất cấm	A	Không sử dụng các chất cấm (kháng sinh và các chất tăng trọng, tạo nạc... bị cấm sử dụng trong chăn nuôi).	Phòng vấn				
23	Dịch bệnh	A	Khi có dịch bệnh hộ chăn nuôi phải báo ngay cho thú y hoặc chính quyền địa phương và có ghi chép	Xem sổ ghi chép				
Xuất bán								
24	Thời điểm	A	- Sau khi hết thời gian ngưng thuốc như quy định trên nhãn thuốc - Vật nuôi khỏe mạnh, không bị bệnh	Phòng vấn và xem sổ ghi chép về thuốc				
25	Hồ sơ xuất bán	A	Phải cung cấp đầy đủ hồ sơ ghi chép	Hồ sơ lưu và sổ ghi chép				
26	Nhận diện	B	Lợn thịt xuất bán phải có thẻ tai ..	Quan sát và xem sổ ghi chép				
Môi trường								
27	Xử lý xác chết vật nuôi	A	Xác chết vật nuôi phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định của thú y và có ghi chép	Sổ ghi chép				
28	Chất thải vô cơ	B	Kim tiêm, túi nhựa, đồ nhựa... phải được thu gom để xử lý riêng	Quan sát				
Ghi chép								
29	Ghi chép	A	Ghi chép đúng và đầy đủ theo mẫu sổ ghi chép tại Quy chế này	Sổ ghi chép				
Đánh giá nội bộ (chỉ áp dụng đối với cơ sở chăn nuôi có nhiều thành viên, tổ hợp tác, hợp tác xã)								
30	Thực hiện đánh giá nội bộ và lưu trữ hồ sơ	A	Đã đánh giá nội bộ và có hồ sơ lưu trữ đầy đủ như mục II tại phụ lục này.	Phòng vấn Hồ sơ ghi chép				

2. Bảng kiểm tra đánh giá VietGAHP gà nông hộ.

Số TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ áp dụng	Yêu cầu cần đạt	Phương pháp đánh giá	Kết quả		Hành động khắc phục	Thời hạn hoàn thành
					Đạt	Không đạt		
Vị trí, hệ thống hạ tầng chuồng trại và thiết bị dụng cụ chăn nuôi								
1	Vị trí	B	Cách biệt với khu nhà ở, cách biệt nguồn nước sinh hoạt	Theo sổ tay GAHP và quan sát				
2	Ranh giới/tách biệt	A	Có tường bao/ hàng rào kín, có cổng ra vào khu chuồng nuôi và hồ khử trùng tại cổng ra vào	Theo sổ tay GAHP và quan sát				
3	Nền	A	Nền chuồng không đọng nước	Theo sổ tay GAHP và quan sát				
4	Mái, tường, rèm che	B	Không dột và tránh được gió lùa	Theo sổ tay GAHP và quan sát				
5	Xử lý chất thải	A	Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng	Theo sổ tay GAHP và quan sát				
6	Dụng cụ, thiết bị	B	Có dụng cụ, thiết bị chỉ dùng riêng cho chăn nuôi	Theo sổ tay GAHP và quan sát				
Giống và quản lý giống								
7	Nguồn gốc con giống	A	Có nguồn gốc rõ ràng và ghi chép đầy đủ	Kiểm tra sổ ghi chép				
8	Sức khỏe con giống	A	Đã được tiêm phòng đầy đủ	Giấy chứng nhận tiêm phòng (nếu có), xem sổ ghi chép và phỏng vấn				
9	Quản lý vật nuôi	B	- Nuôi tách riêng khi mới mua về có ghi chép - Không nuôi lẫn các lứa gà khác nhau - Không nuôi chung với các loài vật khác	Quan sát, phỏng vấn và xem sổ ghi chép.				

Số TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ áp dụng	Yêu cầu cần đạt	Phương pháp đánh giá	Kết quả		Hành động khắc phục	Thời hạn hoàn thành
					Đạt	Không đạt		
Thức ăn chăn nuôi và quản lý thức ăn								
10	Nguồn gốc	A	Có xuất xứ (địa chỉ nơi bán, nơi sản xuất..) rõ ràng và có ghi chép	Quan sát và xem sổ ghi chép				
11	Yêu cầu vệ sinh	B	- Thức ăn đậm đặc, thức ăn hỗn hợp, nguyên liệu để làm thức ăn phải đảm bảo vệ sinh, không ẩm mốc - Thức ăn tận dụng phải được nấu chín trước khi cho ăn	Quan sát				
12	Yêu cầu kỹ thuật	B	- Thức ăn đậm đặc phải có hướng dẫn phối trộn phù hợp với loại gà, lứa tuổi - Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp hoàn chỉnh phải có dấu hợp quy; - Thức ăn tự phối trộn phải có công thức.	Quan sát và xem sổ ghi chép.				
13	Bảo quản	B	- Thức ăn chăn nuôi phải để trên kệ, tránh ẩm mốc - Được đóng bao kín tránh rơi vãi - Có nơi bảo quản riêng, tránh côn trùng, chuột bọ...	Quan sát				
Nước								
14	Nước dùng trong chăn nuôi	B	- Nước sinh hoạt/ nước đã qua xử lý - Đủ nước uống cho vật nuôi	Quan sát				
15	Nước thải	B	- Được xử lý qua hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật	Theo Sổ tay GAHP và quan sát				
Công tác thú y và vệ sinh thú y								
16	Khử trùng chuồng trại	A	- Khử trùng toàn bộ chuồng trại trước khi đưa vật nuôi vào 07 ngày và ngay sau khi xuất bán - Định kỳ phun thuốc khử trùng xung quanh	Phỏng vấn và xem sổ ghi chép				

Số TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ áp dụng	Yêu cầu cần đạt	Phương pháp đánh giá	Kết quả		Hành động khắc phục	Thời hạn hoàn thành
					Đạt	Không đạt		
			chuồng trại					
17	Vệ sinh chuồng trại	B	Hàng ngày quét dọn, thu gom chất thải rắn và chất thải lỏng	Quan sát				
18	Bảo hộ lao động	B	- Thay quần áo, bảo hộ lao động khi ra vào khu vực chăn nuôi - Định kỳ khử trùng quần áo, bảo hộ lao động	Quan sát				
19	Kiểm soát ra vào khu vực chăn nuôi	A	- Khử trùng giày dép khi ra vào trại - Phương tiện, dụng cụ trước khi đưa ra/vào trại phải được khử trùng	Quan sát				
20	Tiêm phòng	A	-Tiêm phòng đầy đủ các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc và có ghi chép	Xem sổ ghi chép				
21	Thuốc thú y	B	- Các loại thuốc thú y, kể cả kháng sinh khi mua và sử dụng phải theo hướng dẫn của Bác sĩ thú y và có ghi chép đầy đủ; - Có nơi bảo quản	Xem sổ ghi chép				
22	Chất cấm	A	Không sử dụng các chất cấm (kháng sinh và các chất tăng trọng... bị cấm sử dụng trong chăn nuôi).	Phỏng vấn				
23	Dịch bệnh	A	Khi có dịch bệnh hộ chăn nuôi phải báo ngay cho thú y hoặc chính quyền địa phương và có ghi chép	Xem sổ ghi chép				
Xuất bán								
24	Thời điểm	A	- Sau khi hết thời gian ngưng thuốc như quy định trên nhãn thuốc - Vật nuôi khỏe mạnh, không bị bệnh	Phỏng vấn và xem sổ ghi chép về thuốc				

Số TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ áp dụng	Yêu cầu cần đạt	Phương pháp đánh giá	Kết quả		Hành động khắc phục	Thời hạn hoàn thành
					Đạt	Không đạt		
25	Hồ sơ xuất bán	A	Phải cung cấp đầy đủ hồ sơ ghi chép	Hồ sơ lưu và sổ ghi chép				
Môi trường								
26	Xử lý xác chết vật nuôi	A	Xác chết vật nuôi phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định của thú y và có ghi chép	Sổ ghi chép				
27	Chất thải vô cơ	B	Kim tiêm, túi nhựa, đồ nhựa phải được thu gom để xử lý riêng	Quan sát				
Ghi chép								
28	Ghi chép	A	Ghi chép đúng và đầy đủ theo mẫu sổ ghi chép tại quy chế này	Sổ ghi chép				
Đánh giá nội bộ (chỉ áp dụng đối với cơ sở chăn nuôi có nhiều thành viên, tổ hợp tác, hợp tác xã)								
29	Thực hiện đánh giá nội bộ và lưu trữ hồ sơ	A	Đã đánh giá nội bộ và có hồ sơ lưu trữ đầy đủ như mục II tại phụ lục này.	Phỏng vấn Hồ sơ, ghi chép				

II. HỒ SƠ LƯU TRỮ ĐỐI VỚI CƠ SỞ CHĂN NUÔI CÓ NHIỀU THÀNH VIÊN

1. Hồ sơ lưu trữ tại trụ sở của cơ sở chăn nuôi có nhiều thành viên

1.1. Biên bản họp thống nhất thành lập Nhóm GAHP/Tổ hợp tác/hợp tác xã.

1.2. Nội quy hoạt động của Nhóm GAHP/Tổ hợp tác/hợp tác xã.

1.3. Đối với nhóm GAHP phải có quyết định thành lập do cấp có thẩm quyền phê duyệt; Đối với tổ hợp tác phải có Hợp đồng hợp tác của tổ hợp tác được UBND xã/ phường nơi đặt trụ sở tổ hợp tác chứng nhận theo mẫu hướng dẫn của thông tư 04/2008/TT-BKH, trong đó nêu rõ các thành viên tham gia phải áp dụng quy trình VietGAHP nông hộ; Đối với Hợp tác xã phải có giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và cam kết của các thành viên tham gia phải áp dụng quy trình VietGAHP nông hộ.

1.4. Danh sách ban quản lý và các thành viên, địa chỉ, loại vật nuôi, quy mô chăn nuôi của từng hộ thành viên

1.5. Quy trình VietGAHP nông hộ;

1.6. Quyết định thành lập tổ Giám sát đánh giá (GSDG) nội bộ của Nhóm GAHP/Tổ hợp tác/hợp tác xã;

1.7. Kế hoạch tổ chức đánh giá nội bộ của Nhóm GAHP/Tổ hợp tác/hợp tác xã;

1.8. Biên bản đánh giá nội bộ thực hiện quy trình GAHP của tổ GSDG và từng chủ hộ thành viên Nhóm GAHP/Tổ hợp tác/hợp tác xã có xác nhận của trưởng nhóm GAHP/trưởng ban điều hành Tổ hợp tác/ chủ nhiệm hợp tác xã (đánh giá lần đầu, đánh giá khắc phục, đánh giá giám sát, đánh giá đột xuất, đánh giá lại);

1.9. Biên bản đánh giá của tổ chức cấp chứng nhận (nếu có) đối với Nhóm GAHP/Tổ hợp tác/hợp tác xã có ký nhận của hai bên (đánh giá lần đầu, đánh giá khắc phục, đánh giá giám sát, đánh giá đột xuất, đánh giá lại).

1.10. Các tài liệu trên phải lập thành từng mục trong hồ sơ, bổ sung các thay đổi trong quá trình hoạt động theo trình tự thời gian, được lưu trữ tại trụ sở Nhóm GAHP/Tổ hợp tác/hợp tác xã và xuất trình các hồ sơ này khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng.

2. Hồ sơ lưu trữ tại hộ thành viên:

2.1. Quy trình VietGAHP nông hộ

2.2. Sổ sách ghi chép thực hiện quy trình VietGAHP nông hộ của hộ thành viên.

2.3. Biên bản đánh giá nội bộ thực hiện quy trình GAHP của tổ GSDG và chủ hộ (đánh giá lần đầu, đánh giá khắc phục, đánh giá giám sát, đánh giá đột xuất, đánh giá lại);

2.4. Các tài liệu trên được lập thành từng mục trong hồ sơ, bổ sung các thay đổi trong quá trình chăn nuôi theo trình tự thời gian, được lưu trữ tại hộ thành viên. Thành viên Tổ hợp tác/hợp tác xã xuất trình các hồ sơ này khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng.

III. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ VÀ XỬ LÝ KẾT QUẢ

1. Đối với cơ sở chăn nuôi lợn:

1.1. Đối với cơ sở chăn nuôi có một thành viên:

- Tổng số tiêu chí đánh giá là 29 tiêu chí (không đánh giá tiêu chí số 30), gồm 15 tiêu chí loại A và 14 tiêu chí loại B

- Cơ sở chăn nuôi lợn đáp ứng phải đạt được: **15 tiêu chí loại A và 7 tiêu chí loại B trở lên.**

1.2. Đối với cơ sở chăn nuôi có nhiều thành viên:

- Tổng số tiêu chí đánh giá là 30 tiêu chí, gồm 16 tiêu chí loại A và 14 tiêu chí loại B

- Cơ sở chăn nuôi lợn đáp ứng thì tất cả các thành viên được kiểm tra phải đạt được: **16 tiêu chí loại A và 7 tiêu chí loại B trở lên.**

2. Đối với cơ sở chăn nuôi gà:

2.1. Đối với cơ sở chăn nuôi có một thành viên:

- Tổng số tiêu chí đánh giá là 28 tiêu chí (không đánh giá tiêu chí số 29), gồm 15 tiêu chí loại A và 13 tiêu chí loại B

- Cơ sở chăn nuôi gà đáp ứng phải đạt được: **15 tiêu chí loại A và 7 tiêu chí loại B trở lên.**

2.2. Đối với cơ sở chăn nuôi có nhiều thành viên:

- Tổng số tiêu chí đánh giá là 29 tiêu chí, gồm 16 tiêu chí loại A và 13 tiêu chí loại B

- Cơ sở chăn nuôi gà đáp ứng thì tất cả các thành viên được kiểm tra phải đạt được: **16 tiêu chí loại A và 7 tiêu chí loại B trở lên.**

WAS

PHỤ LỤC 2

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN VIETGAHP NÔNG HỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5472/QĐ-BNN-CN ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

GIẤY CHỨNG NHẬN VIETGAHP NÔNG HỘ

(TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN)

Số:/GCN

CHỨNG NHẬN

Tên cơ sở chăn nuôi:

Địa chỉ:

Địa điểm sản xuất:

Mã số chứng nhận VietGAHP nông hộ:

Tên sản phẩm:

Quy mô sản xuất:

Sản xuất theo Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP nông hộ) cho chăn nuôi ... (lợn hoặc gà) ban hành kèm theo Quyết định số: .../QĐ-BNN-CN ngày tháng ... năm 201.. của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Giấy chứng nhận có giá trị đến ngày:...

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN



PHỤ LỤC 3

MÃ SỐ CHỨNG NHẬN VIETGAHP NÔNG HỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5472/QĐ-BNN-CN ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. KẾT CẤU MÃ SỐ CHỨNG NHẬN VIETGAHP NÔNG HỘ

Mã số chứng nhận VietGAHP nông hộ là một chuỗi gồm các cụm ký tự và số “VietGAHP-CN/NH-xxx-aa-dddd” (cách nhau bởi dấu gạch ngang), trong đó:

- Ba ký tự xxx là mã hiệu của Tổ chức Chứng nhận do Cơ quan chỉ định cấp;
- Hai chữ số “aa” là mã số chỉ địa phương (tỉnh, thành phố) được xác định theo mã tỉnh trong bảng mã vùng của tỉnh, thành phố thuộc Trung ương;
- Các chữ số “dddd” là mã số của cơ sở sản xuất do Tổ chức Chứng nhận cấp cho cơ sở sản xuất theo thứ tự được chứng nhận trong từng tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

II. BẢNG MÃ VÙNG CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam):

TT	Tên tỉnh	Mã vùng	TT	Tên tỉnh	Mã vùng
1	An Giang	89	33	Kon Tum	62
2	Bạc Liêu	95	34	Lai Châu	12
3	Bà Rịa - Vũng Tàu	77	35	Lạng Sơn	20
4	Bắc Cạn	06	36	Lào Cai	10
5	Bắc Giang	24	37	Lâm Đồng	68
6	Bắc Ninh	27	38	Long An	80
7	Bến Tre	83	39	Nam Định	36
8	Bình Dương	74	40	Nghệ An	40
9	Bình Định	52	41	Ninh Bình	37
10	Bình Phước	70	42	Ninh Thuận	58
11	Bình Thuận	60	43	Phú Thọ	25
12	Cao Bằng	04	44	Phú Yên	54
13	Cà Mau	96	45	Quảng Bình	44
14	Cần Thơ	92	46	Quảng Nam	49
15	Đà Nẵng	48	47	Quảng Ngãi	51
16	Đắc Lắc	66	48	Quảng Ninh	22
17	Đắc Nông	67	49	Quảng Trị	45
18	Đồng Nai	75	50	Sóc Trăng	94

TT	Tên tỉnh	Mã vùng	TT	Tên tỉnh	Mã vùng
19	Đồng Tháp	87	51	Sơn La	14
20	Điện Biên	11	52	Tây Ninh	72
21	Gia Lai	64	53	Thái Bình	34
22	Hà Giang	02	54	Thái Nguyên	19
23	Hà Nam	35	55	Thanh Hóa	38
24	Hà Nội	01	56	TP.Hồ Chí Minh	79
25	Hà Tĩnh	42	57	Thừa Thiên Huế	46
26	Hải Dương	30	58	Tiền Giang	82
27	Hải Phòng	31	59	Trà Vinh	84
28	Hậu Giang	93	60	Tuyên Quang	08
29	Hòa Bình	17	61	Vĩnh Long	86
30	Hung Yên	33	62	Vĩnh Phúc	26
31	Khánh Hòa	56	63	Yên Bái	15
32	Kiên Giang	91			

III. VÍ DỤ

Tổ chức Chứng nhận là Trung tâm Khuyến nông Hà Nội được Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội cấp mã hiệu là TTK. Cơ sở chăn nuôi đầu tiên được Trung tâm Khuyến nông Hà Nội cấp chứng nhận VietGAHP nông hộ là Hộ A tại thành phố Hà Nội, sẽ có mã số là: VietGAHP-CN/NH-TTK-01-0001.



VIETGAHP

QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT CHO CHĂN NUÔI GÀ AN TOÀN TRONG NÔNG HỘ

Good Animal Husbandry Practices for Household Chicken Production

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2015

Luật bản quyền (Copyright) : ©VietGAHP

VietGAHP được bảo vệ theo Luật bản quyền. Ngoại trừ những điều khoản cho phép được ghi trong Luật bản quyền, cấm in ấn VietGAHP dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Copyright protects this publication. Except for purposes permitted by the Copyright Act, this document is protected and any other reproduction by whatsoever means is prohibited without the prior written permission of the Ministry of Agriculture & Rural Development.

QUY TRÌNH

Thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gà an toàn trong nông hộ (VietGAHP gà nông hộ)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5472/QĐ-BNN-CN ngày 30 tháng 12 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**
 - 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy trình này áp dụng để chăn nuôi gà tốt trong nông hộ nhằm ngăn ngừa và hạn chế các mối nguy cơ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thịt gà, trứng gà, bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng.
 - 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy trình này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân chăn nuôi gà theo hình thức chăn nuôi nông hộ trong vùng dự án LIFSAP tại một số tỉnh, thành ở Việt Nam.
- 2. Giải thích thuật ngữ**
 - 2.1. Chăn nuôi gà trong nông hộ: Là hình thức chăn nuôi gà tại hộ gia đình, với quy mô dưới mức trang trại.
 - 2.2. VietGAHP cho chăn nuôi gà trong nông hộ: Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (Good Animal Husbandry Practice – gọi tắt là VietGAHP) cho chăn nuôi gà an toàn trong nông hộ là những nguyên tắc, trình tự hướng dẫn nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm thịt gà, trứng gà, sức khỏe người chăn nuôi và người tiêu dùng; bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.
 - 2.3. Chất thải trong chăn nuôi: Chất thải trong chăn nuôi bao gồm chất thải rắn, chất thải lỏng và khí thải. Chất thải rắn bao gồm phân, chất độn chuồng, xác gà chết, kim tiêm, ống tiêm... Chất thải lỏng là chất nhầy, nước rửa chuồng trại, dụng cụ, phương tiện dùng trong chăn nuôi.

Chương II

NỘI DUNG QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT CHO CHĂN NUÔI GÀ AN TOÀN TRONG NÔNG HỘ

- 1. Vị trí, hệ thống hạ tầng chuồng trại và thiết bị dụng cụ chăn nuôi**
 - 1.1. Vị trí xây dựng chuồng nuôi, khu vực chăn nuôi gà phải phù hợp với điều kiện thực tế của từng hộ và phải tách biệt với nơi ở và nguồn nước sinh hoạt của người.

- 1.2. Chuồng nuôi phải có tường bao kín hoặc hàng rào kín ngăn cách với khu vực xung quanh tránh người hay động vật khác ra vào tự do, có cổng ra vào riêng, có hố khử trùng hoặc bố trí phương tiện khử trùng ở cổng ra, vào.
- 1.3. Chuồng nuôi phải đảm bảo: Nền chuồng không trơn trượt, không đọng nước, dễ làm vệ sinh. Hệ thống tường, mái, rèm che chuồng phải đảm bảo không bị dột, thấm, không bị mưa hắt, tránh được gió lùa và dễ làm vệ sinh. Nên có hố khử trùng tại cửa mỗi dãy chuồng nuôi.
- 1.4. Nơi nuôi cách ly, tân đáo nên tách biệt với chuồng nuôi chính. Nên có nơi để hoặc kho để dự trữ, bảo quản thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y.
- 1.5. Khu xử lý chất thải, nước thải cần tách biệt với chuồng nuôi chính, công suất của hệ thống xử lý chất thải, nước thải phải đáp ứng nhu cầu xử lý đối với quy mô đàn gà được nuôi.
- 1.6. Có dụng cụ, thiết bị chỉ dùng riêng cho chăn nuôi, các dụng cụ thiết bị này chỉ được sử dụng tại khu vực chăn nuôi và không dùng chung cho các mục đích khác ngoài khu vực chăn nuôi.
- 1.7. Thiết bị chiếu sáng, đèn chụp sưởi và các dụng cụ, thiết bị điện khác nên có vật bảo vệ chống vỡ, chống cháy nổ... nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng và vật nuôi.

2. Giống và quản lý giống

- 2.1. Gà giống phải có nguồn gốc rõ ràng.
- 2.2. Con giống phải khỏe mạnh và được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin phù hợp với lứa tuổi gà theo quy định của thú y.
- 2.3. Gà giống mới nhập về cần được nuôi cách ly riêng và ghi chép đầy đủ các biểu hiện bệnh lý của con giống trong quá trình nuôi cách ly.
- 2.4. Không nuôi lẫn các lứa gà khác nhau, không nuôi chung với các loài vật khác.

3. Thức ăn và quản lý thức ăn

- 3.1. Thức ăn phải có xuất xứ (địa chỉ nơi bán, đơn vị sản xuất...) rõ ràng, còn hạn sử dụng. Thức ăn đậm đặc phải có hướng dẫn phối trộn cho từng loại gà; thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh phải có dấu hợp quy. Nguyên liệu dùng để phối trộn thức ăn phải đảm bảo vệ sinh, không bị ôi thiu, nấm mốc, mối mọt.
- 3.2. Khi phối trộn thức ăn đậm đặc cho gà cần tuân thủ theo công thức đã được khuyến cáo; Thức ăn tự phối trộn phải có và tuân thủ công thức. Thức ăn tận dụng phải được nấu chín trước khi cho ăn. Phải ghi chép đầy đủ thông tin về loại thức ăn, nguyên liệu thức ăn đã mua và sử dụng.
- 3.3. Trong trường hợp trộn thuốc vào thức ăn, phải kiểm tra đúng chủng loại thuốc, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất và phải ghi chép đầy đủ theo quy định.
- 3.4. Không sử dụng thức ăn có hoặc cho vào thức ăn chăn nuôi các hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi do Nhà nước và của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định.
- 3.5. Thức ăn, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cần có nơi để bảo quản riêng biệt, khô ráo. Nên có các giá kê thức ăn và nguyên liệu, tránh đặt trực tiếp bao thức ăn xuống nền nhà. Nên có các biện pháp ngăn ngừa, diệt chuột và các loại côn trùng gây hại.

4. Nước uống và hệ thống cấp, thoát nước

- 4.1. Nước uống phải đáp ứng đủ theo nhu cầu của từng loại gà; nguồn nước phải đảm bảo chất lượng, hợp vệ sinh (như: nước dùng sinh hoạt; nước máy; nước đã qua xử lý đạt yêu cầu ...).
- 4.2. Thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp nước (bao gồm bể chứa, bồn chứa, đường ống dẫn, máng uống...) đảm bảo hệ thống không bị ô nhiễm, không bị rò rỉ.
- 4.3. Không để nước thải, nước rửa chuồng chảy tràn từ ô chuồng này sang ô chuồng khác, từ chuồng này sang chuồng khác và không được thải trực tiếp nước thải ra môi trường. Nên có hệ thống thu gom xử lý nước thải, nước rửa chuồng riêng.

5. Công tác thú y và vệ sinh thú y

- 5.1. Vệ sinh chuồng trại: hàng ngày quét dọn, thu gom chất thải rắn và chất thải lỏng. Định kỳ phát quang bụi rậm xung quanh chuồng nuôi, khơi thông cống rãnh.
- 5.2. Khử trùng chuồng trại: thực hiện vệ sinh, khử trùng chuồng trại, các dụng cụ, thiết bị chăn nuôi trước khi đưa gà vào nuôi theo đúng quy định. Vệ sinh, khử trùng chuồng trại, các dụng cụ, thiết bị chăn nuôi ngay sau khi chuyển đàn/ xuất bán và để trống chuồng ít nhất 7 ngày. Định kỳ phun thuốc khử trùng toàn bộ diện tích xung quanh khu vực chuồng nuôi.
- 5.3. Kiểm soát ra vào khu vực chăn nuôi: Các phương tiện dụng cụ, giày dép, ủng đều phải thực hiện khử trùng trước khi ra/vào khu chăn nuôi. Định kỳ khử trùng các thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong khu chăn nuôi. Hạn chế khách thăm quan và những người không phận sự ra vào khu chăn nuôi. Nếu cần thiết thăm thì khách phải thay quần áo, giày dép, đồ bảo hộ phù hợp và thực hiện các biện pháp khử trùng trước khi ra vào khu vực chăn nuôi.
- 5.4. Bảo hộ lao động: phải có quần áo, bảo hộ lao động sử dụng riêng trong khu vực chăn nuôi. Người chăn nuôi phải thay quần áo, bảo hộ lao động khi ra vào khu vực chăn nuôi, đồng thời định kỳ khử trùng quần áo, bảo hộ lao động.
- 5.5. Tiêm phòng: phải tiêm phòng vắc xin đầy đủ đối với các bệnh bắt buộc theo quy định của ngành thú y và phải ghi chép lại.
- 5.6. Sử dụng thuốc thú y: tất cả các loại thuốc thú y, thuốc kháng sinh khi mua và sử dụng phải tuân thủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc chỉ dẫn của bác sỹ thú y. Nên có nơi bảo quản thuốc riêng biệt.
- 5.7. Chất cấm: Không sử dụng các hóa chất, chất kháng sinh... nằm trong danh mục cấm sử dụng trong chăn nuôi của Nhà nước và của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định.
- 5.8. Quản lý dịch bệnh: Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh, chủ cơ sở chăn nuôi phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc chính quyền địa phương và tiến hành xử lý gà bệnh theo sự chỉ đạo của chuyên môn thú y, đồng thời phải có ghi chép theo quy định.

6. Xuất bán gà

- 6.1. Chỉ xuất bán gà và trứng gà khi gà khỏe mạnh, không bị bệnh; xuất bán gà thịt và trứng gà phải tuân thủ quy định về thời gian ngưng thuốc như trên nhãn thuốc của nhà sản xuất.

- 6.2. Phải cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin về nguồn gốc giống, tiêm phòng, tình hình điều trị bệnh... của đàn gà thịt được bán (hoặc hồ sơ của đàn gà đẻ trứng đối với sản phẩm là trứng gà) khi xuất bán cho người mua.
- 6.3. Các phương tiện vận chuyển gà cần đảm bảo mật độ thích hợp để hạn chế tối đa rủi ro, stress cho gà, tránh dập vỡ cho trứng và có biện pháp tránh rơi vãi chất thải trên đường trong quá trình vận chuyển.
- 6.4. Các hộ trong vùng GAHP phải tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm theo hướng an toàn thực phẩm.

7. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường

- 7.1. Hàng ngày cần thu gom chất thải rắn (phân, chất độn chuồng nếu có) đưa đến nơi tập trung để xử lý. Nếu phân và chất độn chuồng được xử lý bằng phương pháp ủ thì nên sử dụng thêm các chế phẩm sinh học để tăng hiệu quả xử lý và định kỳ phun thuốc khử trùng xung quanh hố ủ.
- 7.2. Các chất thải vô cơ như: kim tiêm, túi nhựa, đồ nhựa, v.v... phải được thu gom và xử lý riêng.
- 7.3. Chất thải lỏng phải được dẫn trực tiếp từ chuồng nuôi tới hệ thống xử lý nước thải (biogas, bể lắng...) bằng đường thoát riêng. Nước thải sau khi xử lý phải đảm bảo an toàn trước khi xả ra môi trường.
- 7.4. Xác gà chết do bệnh hoặc không rõ nguyên nhân cần được thu gom và xử lý theo đúng quy định của thú y. Tuyệt đối không bán gà chết ra thị trường, và không được vứt xác gà chết ra môi trường xung quanh.

8. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ

- 8.1. Phải có sổ ghi chép và ghi chép đầy đủ tất cả các hoạt động trong quá trình chăn nuôi (từ khâu nhập con giống, mua và sử dụng thức ăn, tình trạng sức khỏe, tiêm phòng, điều trị bệnh... và việc xuất bán sản phẩm cho từng lứa riêng biệt) theo quy định tại mẫu sổ ghi chép.
- 8.2. Hệ thống sổ sách ghi chép của chủ hộ phải rõ ràng và cần được lưu giữ ít nhất là 01 năm kể từ ngày đàn gà được xuất bán hay chuyển đi nơi khác. /



Vũ Văn Tám

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

DỰ ÁN CẠNH TRANH NGÀNH CHĂN NUÔI VÀ
AN TOÀN THỰC PHẨM (LIFSAP)

SỔ GHI CHÉP VIETGAHP GÀ NÔNG HỘ

TÊN CHỦ HỘ:.....

ĐỊA CHỈ:.....

.....

....., tháng.....năm 201...

I. HƯỚNG DẪN GHI CHÉP

HẠCH TOÁN KINH TẾ CHĂN NUÔI GÀ THEO VIETGAHP GÀ NÔNG HỘ

1. Nguyên tắc ghi chép

Hàng ngày Ghi chép chi tiết nội dung tất cả các mua bán phát sinh trong ngày bao gồm: mua giống, thức ăn, nguyên liệu thức ăn, thuốc thú y, dụng cụ... và bán các sản phẩm từ chăn nuôi như gà thịt, trứng gà, phân...

Kết thúc ngày, kê 1 vạch ngang đánh dấu hết nội dung.

2. Các nội dung cần ghi chép

2.1. Mua giống

- Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất
- Loại gà (gà nuôi hậu bị, nuôi thịt...)
- Giống gà (ai cập, lương phượng...)
- Số lượng (con)
- Các loại vắc xin đã được phòng
- Tổng tiền đã mua (đồng)

2.2. Mua thức ăn/ nguyên liệu thức ăn/thức ăn bổ sung...

- Loại thức ăn (TĂ đậm đặc; Tă hoàn chỉnh cho gà con, Tă hoàn chỉnh cho gà thịt; ngô; premix Vit...)
- Tên, địa chỉ cơ sở bán thức ăn chăn nuôi;
- Tên cơ sở/công ty sản xuất;
- Số lượng (bao), khối lượng (kg), ngày sản xuất (ngày/tháng);
- Tổng tiền đã mua (đồng);

2.3. Mua thuốc thú y/ hóa chất khử trùng...

- Tên/ loại thuốc thú y/ hóa chất khử trùng...;
- Tên, địa chỉ cơ sở bán;
- Tên cơ sở/công ty sản xuất;
- Ngày sản xuất;
- Tổng tiền đã mua (đồng);

2.4. Mua các vật tư/ thiết bị/ dụng cụ chăn nuôi khác

- Loại vật tư/ thiết bị dụng cụ
- Tổng tiền đã mua (đồng);

2.5. Mua nhiên liệu (củi, than, gas, trả tiền điện ...)

- Tổng tiền đã mua nhiên liệu (đồng)

2.6. Bán các sản phẩm chăn nuôi gà

- Tên loại sản phẩm bán (gà thịt, trứng gà, phân gà, gas...);
- Tên, địa chỉ, số điện thoại người mua;
- Số lượng (con), tổng khối lượng (kg);
- Tổng tiền đã bán (đồng).

3. Hạch toán kinh tế

Hạch toán kinh tế trong chăn nuôi gà theo hộ/năm

3.1. Tổng thu/năm:

- + Thu từ bán gà (thịt, trứng gà, mái loại...)
- + Thu từ bán phân
- + Thu từ tiết kiệm chất đốt và điện do sử dụng Biogas
- + Thu khác (bán gas ...)

3.2. Tổng chi/năm:

- + Chi phí mua con giống
- + Chi phí mua thức ăn
- + Chi phí mua thuốc thú y, vắc xin, tiêm phòng, thuốc khử trùng.
- + Chi phí điện, nước, vật rẻ...
- + Chi phí khấu hao chuồng trại
- + Chi phí nhân công lao động
- + Chi cho Lãi xuất vay
- + Chi phí khác..

$$\text{Lãi ròng/hộ/năm (đồng)} = \text{Tổng thu (đồng)} - \text{Tổng chi (đồng)}$$

BIỂU HẠCH TOÁN KINH TẾ CHĂN NUÔI GÀ THEO VIETGAHP GÀ NÔNG HỘ

Ngày tháng	Nội dung mua - bán trong ngày	Số lượng	Thành tiền	
			Mua	Bán
10/10	- Mua 500 con gà giống nuôi thịt tại nhà ông B, thôn C, xã D, huyện E, tỉnh F; đã phòng lasota.	500con	5.000.000 đ	
	- Mua 01 bao thức ăn đậm đặc ĐT10 của Công ty ABC, sản xuất ngày 05/10/2015, Đại lý ông Hai, thôn Y, xã G, huyện K, tỉnh F.	25 kg	450.000 đ	
	- Mua 01 bao ngô nghiền tại nhà ông Ba, thôn Y, xã G, huyện K, tỉnh F.	50kg	350.000 đ	
	- Mua 01 bao cám gạo tại nhà ông Bốn, thôn Y, xã G, huyện K, tỉnh F	30 kg	150.000 đ	
13/10	- Mua 10 bao thức ăn hỗn hợp HT30 của Công ty ABC tại nhà ông Hai, thôn Y, xã G, huyện K, tỉnh F. Ngày SX:28/10/2015	250 kg	2.100.000 đ	
17/10	- Mua 01 lọ Vắc xin Newcastle gà loại 500 liều của Công ty DEF tại trạm thú y huyện K; ngày sản xuất 15/09/2015	01 lọ	300.000 đ	
	- Mua súng tiêm tự động + kim tiêm	01 bộ	250.000đ	
23/10	- Mua 02 lọ thuốc Macoxin loại 100ml của công ty DEF tại trạm thú y huyện K; ngày sản xuất 28/09/2015;	02 lọ	80.000đ	
23/11	- Bán phân gà cho ông ông Z, thôn M, xã G, huyện K, tỉnh F	700 kg		800.000đ
02/12	Bán 500 con gà thịt chuồng số 1, cho ông H, thôn T, Xã G, huyện K, tỉnh F, dt 090*****;	1300 kg		36.500.000 đ

II. HƯỚNG DẪN GHI CHÉP NHẬT KÝ CHĂN NUÔI THEO QUY TRÌNH VIETGAHP GÀ NÔNG HỘ

1. Nguyên tắc ghi chép

Hàng ngày Ghi chép chi tiết nội dung tất cả các hoạt động kỹ thuật phát sinh trong ngày bao gồm: chu chuyển đàn gà; ghép đàn gà; trộn thức ăn; cho ăn; thực hiện vệ sinh thú y; công tác thú y tiêm phòng...

Kết thúc ngày, kẻ 1 vạch ngang đánh dấu hết nội dung.

2. Các nội dung phải ghi chép

2.1. Chu chuyển, ghép đàn giống.

- Số ô chuồng thả gà.
- Số lượng gà/ô.

2.2. Tự trộn thức ăn:

- Tệp công thức thức ăn: công thức số...cho gà...
- Thành phần tỷ lệ các nguyên liệu TĂ (ghi lần đầu và khi thay đổi công thức).
- Tổng khối lượng đã trộn (kg).

2.3. Dùng thuốc, thức ăn bổ sung trong thức ăn/nước uống.

- Tên thuốc/thức ăn bổ sung.
- Liều lượng đã dùng (số lượng thuốc, thức ăn bổ sung /số lượng thức ăn, nước).

2.4. Cho ăn hàng ngày.

- Loại thức ăn, số lượng gà, số lượng thức ăn.

2.5. Phòng bệnh và điều trị bệnh.

- Nếu gà bị bệnh, cần ghi rõ triệu chứng trước.
- Số ô chuồng/chuồng sử dụng, Tên loại vắc xin/thuốc thú y đã sử dụng, Ngày sản xuất, Liều lượng sử dụng.

2.6. Khử trùng chuồng trại.

- Số ô chuồng/chuồng sử dụng, Tên loại thuốc/hóa chất khử trùng, cơ sở sản xuất, ngày sản xuất, liều lượng pha, tổng số dung dịch được pha đã dùng.

2.7. Diệt chuột.

- Phương pháp diệt chuột, Tên loại thuốc/hóa chất diệt chuột, tên nhà sản xuất, Liều lượng pha.

2.8. Xử lý xác gà chết.

- Số ô chuồng, Số lượng con chết, biểu hiện triệu chứng/bệnh tích, chẩn đoán bệnh, phương pháp xử lý xác gà chết.

2.9. Khách thăm quan.

- Số lượng, tên, địa chỉ của khách tham quan

2.10. Xuất bán sản phẩm.

- Số ô chuồng, Số lượng gà (con)/trứng gà (quả);

BIỂU NHẬT KÝ CHĂN NUÔI THEO QUY TRÌNH VIỆTGAHP. GÀ NÔNG HỘ

Ngày tháng	Nội dung thực hiện	Ghi chú
10/10	- Nhập gà 500 con vào Ô số 1. - Trộn 150kg thức ăn công thức số 01 cho gà con. Tỷ lệ: Đạm đặc H213: 26; ngô: 28; tấm: 22; cám gạo: 24 - Trộn mix MD MIX11, liều 1kg/100kg, trộn 250g/50kg	
12/10	- Khử trùng quanh chuồng, bằng thuốc ABC của cty DEF, liều pha 25ml/10 lít nước, dùng hết 20 lít. - Diệt chuột bằng đặt bẫy lồng.	
27/11	- 2 người thăm quan chuồng, ông Nguyễn Văn A ở thôn B, xã C huyện D.	

VIETGAHP

QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT CHO CHĂN NUÔI LỢN AN TOÀN TRONG NÔNG HỘ

Good Animal Husbandry Practices for Household Based Swine Production

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2015

Luật bản quyền (Copyright) : ©VietGAHP

VietGAHP được bảo vệ theo Luật bản quyền. Ngoại trừ những điều khoản cho phép được ghi trong Luật bản quyền, cấm in ấn VietGAHP dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Copyright protects this publication. Except for purposes permitted by the Copyright Act, this document is protected and any other reproduction by whatsoever means is prohibited without the prior written permission of the Ministry of Agriculture & Rural Development.

QUY TRÌNH

Thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn an toàn trong nông hộ (VietGAHP lợn nông hộ)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5772/QĐ-BNN-CN ngày 30 tháng 12 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy trình này áp dụng để chăn nuôi lợn tốt trong nông hộ nhằm ngăn ngừa và hạn chế các mối nguy cơ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thịt lợn, bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy trình này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân chăn nuôi lợn theo hình thức chăn nuôi nông hộ trong vùng dự án LIFSAP tại một số tỉnh, thành ở Việt Nam.

2. Giải thích thuật ngữ

- 2.1. Chăn nuôi lợn trong nông hộ: Là hình thức chăn nuôi lợn tại hộ gia đình, với quy mô dưới mức trang trại.
- 2.2. VietGAHP cho chăn nuôi lợn trong nông hộ: Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (Good Animal Husbandry Practice -- gọi tắt là VietGAHP) cho chăn nuôi lợn an toàn trong nông hộ là những nguyên tắc, trình tự hướng dẫn nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm thịt lợn, sức khỏe người chăn nuôi và người tiêu dùng; bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.
- 2.3. Chất thải trong chăn nuôi nông hộ: Chất thải trong chăn nuôi bao gồm chất thải rắn, chất thải lỏng và khí thải. Chất thải rắn bao gồm phân, chất độn chuồng, gia súc chết, nhau thai, kim tiêm, ống tiêm... Chất thải lỏng là nước tiểu, chất nhầy, nước rửa chuồng trại, dụng cụ, phương tiện dùng trong chăn nuôi.

Chương II

NỘI DUNG QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT CHO CHĂN NUÔI LỢN AN TOÀN TRONG NÔNG HỘ

1. Vị trí, hệ thống hạ tầng chuồng trại và thiết bị dụng cụ chăn nuôi

- 1.1. Vị trí xây dựng chuồng nuôi, khu vực chăn nuôi lợn phải phù hợp với điều kiện thực tế của từng hộ và phải tách biệt với nơi ở và nguồn nước sinh hoạt của người.

- 1.2. Chuồng nuôi phải có tường bao kín hoặc hàng rào kín ngăn cách với khu vực xung quanh tránh người hay động vật khác ra vào tự do, có cổng ra vào riêng, có hồ khử trùng hoặc bố trí phương tiện khử trùng ở cổng ra, vào.
- 1.3. Chuồng nuôi phải đảm bảo: Nền chuồng không trơn trượt, không đọng nước, dễ làm vệ sinh. Hệ thống tường, mái, rèm che chuồng phải đảm bảo không bị dột, thấm, không bị mưa hắt, tránh được gió lùa và dễ làm vệ sinh. Nên có hồ khử trùng tại cửa mỗi dãy chuồng nuôi.
- 1.4. Nơi nuôi cách ly, tân đảo nên tách biệt với chuồng nuôi chính. Nên có nơi để hoặc kho để dự trữ, bảo quản thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y.
- 1.5. Khu xử lý chất thải, nước thải cần tách biệt với chuồng nuôi chính, công suất của hệ thống xử lý chất thải, nước thải phải đáp ứng nhu cầu xử lý đối với quy mô đàn lợn được nuôi.
- 1.6. Có dụng cụ, thiết bị chỉ dùng riêng cho chăn nuôi, các dụng cụ thiết bị này chỉ được sử dụng tại khu vực chăn nuôi và không dùng chung cho các mục đích khác ngoài khu vực chăn nuôi.
- 1.7. Thiết bị chiếu sáng, đèn chụp sưởi và các dụng cụ, thiết bị điện khác nên có vật bảo vệ chống vỡ, chống cháy nổ... nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng và vật nuôi.

2. Giống và quản lý giống

- 2.1. Lợn giống phải có nguồn gốc rõ ràng.
- 2.2. Con giống phải khỏe mạnh và được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin phù hợp với lứa tuổi lợn theo quy định của thú y.
- 2.3. Lợn giống mới nhập về cần được nuôi cách ly riêng và ghi chép đầy đủ các biểu hiện bệnh lý của con giống trong quá trình nuôi cách ly.
- 2.4. Không nuôi lẫn các lứa lợn khác nhau trong cùng ô chuồng, không nuôi chung với các loài vật khác.

3. Thức ăn và quản lý thức ăn

- 3.1. Thức ăn phải có xuất xứ (địa chỉ nơi bán, đơn vị sản xuất...) rõ ràng, còn hạn sử dụng. Thức ăn đậm đặc phải có hướng dẫn phối trộn cho từng loại lợn; thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh phải có dấu hợp quy. Nguyên liệu dùng để phối trộn thức ăn phải đảm bảo vệ sinh, không bị ôi thiu, nấm mốc, mối mọt.
- 3.2. Khi phối trộn thức ăn đậm đặc cho lợn cần tuân thủ theo công thức đã được khuyến cáo; Thức ăn tự phối trộn phải có và tuân thủ công thức. Thức ăn tận dụng phải được nấu chín trước khi cho ăn. Phải ghi chép đầy đủ thông tin về loại thức ăn, nguyên liệu thức ăn đã mua và sử dụng.
- 3.3. Trong trường hợp trộn thuốc vào thức ăn, phải kiểm tra đúng chủng loại thuốc, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất và phải ghi chép đầy đủ theo quy định.
- 3.4. Không sử dụng thức ăn có hoặc cho vào thức ăn chăn nuôi các hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi theo các văn bản của Nhà nước và Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định.
- 3.5. Thức ăn, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cần có nơi để bảo quản riêng biệt, khô ráo. Nên có các giá kê thức ăn và nguyên liệu, tránh đặt trực tiếp bao thức ăn

xuống nền nhà. Nên có các biện pháp ngăn ngừa, diệt chuột và các loại côn trùng gây hại.

4. Nước uống và hệ thống cấp, thoát nước

- 4.1. Nước uống phải đáp ứng đủ theo nhu cầu của từng loại lợn; nguồn nước phải đảm bảo chất lượng, hợp vệ sinh (như: nước dùng sinh hoạt; nước máy; nước đã qua xử lý đạt yêu cầu ...).
- 4.2. Thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp nước (bao gồm bể chứa, bồn chứa, đường ống dẫn, máng uống...) đảm bảo hệ thống không bị ô nhiễm, không bị rò rỉ.
- 4.3. Không để nước thải, nước rửa chuồng chảy tràn từ ô chuồng này sang ô chuồng khác, từ chuồng này sang chuồng khác và không được thải trực tiếp nước thải ra môi trường. Nên có hệ thống thu gom xử lý nước thải, nước rửa chuồng riêng.

5. Công tác thú y và vệ sinh thú y

- 5.1. Vệ sinh chuồng trại: hàng ngày quét dọn, thu gom chất thải rắn và chất thải lỏng. Định kỳ phát quang bụi rậm xung quanh chuồng nuôi, khơi thông cống rãnh.
- 5.2. Khử trùng chuồng trại: thực hiện vệ sinh, khử trùng chuồng trại, các dụng cụ, thiết bị chăn nuôi trước khi đưa lợn vào nuôi theo đúng quy định. Vệ sinh, khử trùng chuồng trại, các dụng cụ, thiết bị chăn nuôi ngay sau khi chuyển đàn/ xuất bán và để trống chuồng ít nhất 7 ngày. Định kỳ phun thuốc khử trùng toàn bộ diện tích xung quanh khu vực chuồng nuôi.
- 5.3. Kiểm soát ra vào khu vực chăn nuôi: Các phương tiện dụng cụ, giày dép, ủng đều phải thực hiện khử trùng trước khi ra/vào khu chăn nuôi. Định kỳ khử trùng các thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong khu chăn nuôi. Hạn chế khách thăm quan và những người không phận sự ra vào khu chăn nuôi. Nếu cần thiết thăm thì khách phải thay quần áo, giày dép, đồ bảo hộ phù hợp và thực hiện các biện pháp khử trùng trước khi ra vào khu vực chăn nuôi.
- 5.4. Bảo hộ lao động: phải có quần áo, bảo hộ lao động sử dụng riêng trong khu vực chăn nuôi. Người chăn nuôi phải thay quần áo, bảo hộ lao động khi ra vào khu vực chăn nuôi, đồng thời định kỳ khử trùng quần áo, bảo hộ lao động.
- 5.5. Tiêm phòng: phải tiêm phòng vắc xin đầy đủ đối với các bệnh bắt buộc theo quy định của ngành thú y và phải ghi chép lại.
- 5.6. Sử dụng thuốc thú y: tất cả các loại thuốc thú y, thuốc kháng sinh khi mua và sử dụng phải tuân thủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc chỉ dẫn của bác sỹ thú y. Nên có nơi bảo quản thuốc riêng biệt.
- 5.7. Chất cấm: Không sử dụng các hóa chất, chất tạo nạc, chất kháng sinh... nằm trong danh mục cấm sử dụng trong chăn nuôi của Nhà nước và của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định.
- 5.8. Quản lý dịch bệnh: Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh, chủ cơ sở chăn nuôi phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc chính quyền địa phương và tiến hành xử lý lợn bệnh theo sự chỉ đạo của chuyên môn thú y, đồng thời phải có ghi chép theo quy định.

6. Xuất bán lợn

- 6.1. Chỉ xuất bán lợn khỏe mạnh, không bị bệnh; xuất bán lợn sau khi hết thời gian ngưng thuốc như quy định trên nhãn thuốc của nhà sản xuất.

- 6.2. Phải cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin về nguồn gốc giống, tiêm phòng, tình hình điều trị bệnh... của tất cả các loại lợn khi xuất bán cho người mua.
- 6.3. Các phương tiện vận chuyển lợn cần đảm bảo mật độ thích hợp để hạn chế tối đa rủi ro, stress cho lợn và có biện pháp tránh rơi vãi chất thải trên đường trong quá trình vận chuyển.
- 6.4. Các hộ áp dụng VietGAHP cho chăn nuôi lợn an toàn cần thực hiện đeo thẻ tai nhận dạng hoặc xăm số cho lợn nái, lợn thịt để phục vụ truy xuất nguồn gốc từ cơ sở giết mổ khi xảy ra dịch bệnh hoặc rủi ro về an toàn thực phẩm.
- 6.5. Các hộ GAHP nên tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm theo hướng an toàn thực phẩm.

7. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường

- 7.1. Hàng ngày cần thu gom chất thải rắn (phân, chất độn chuồng nếu có) đưa đến nơi tập trung để xử lý. Nếu phân và chất độn chuồng được xử lý bằng phương pháp ủ thì nên sử dụng thêm các chế phẩm sinh học để tăng hiệu quả xử lý và định kỳ phun thuốc khử trùng xung quanh hố ủ.
- 7.2. Các chất thải rắn khác như: kim tiêm, túi nhựa, đồ nhựa, v.v... phải được thu gom và xử lý riêng.
- 7.3. Chất thải lỏng phải được dẫn trực tiếp từ chuồng nuôi tới hệ thống xử lý nước thải (biogas, bể lắng...) bằng đường thoát riêng. Nước thải sau khi xử lý phải đảm bảo an toàn trước khi xả ra môi trường.
- 7.4. Xác lợn chết do bệnh hoặc không rõ nguyên nhân cần được thu gom và xử lý theo đúng quy định của thú y. Tuyệt đối không bán lợn chết ra thị trường, và không được vứt xác lợn chết ra môi trường xung quanh.

8. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ

- 8.1. Phải có sổ ghi chép và ghi chép đầy đủ tất cả các hoạt động trong quá trình chăn nuôi (từ khâu nhập con giống, mua và sử dụng thức ăn, tình trạng sức khỏe, tiêm phòng, điều trị bệnh... và việc xuất bán sản phẩm cho từng lứa riêng biệt) theo quy định tại mẫu sổ ghi chép.
- 8.2. Hệ thống sổ sách ghi chép của chủ hộ phải rõ ràng và cần được lưu giữ ít nhất là 01 năm kể từ ngày đàn lợn được xuất bán hay chuyển đi nơi khác. /



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

DỰ ÁN CẠNH TRANH NGÀNH CHĂN NUÔI VÀ
AN TOÀN THỰC PHẨM (LIFSAP)

SỔ GHI CHÉP
VIETGAHP LỢN NÔNG HỘ

TÊN CHỦ HỘ:.....

ĐỊA CHỈ.....

.....

....., tháng.....năm 201...

I. HƯỚNG DẪN GHI CHÉP

HẠCH TOÁN KINH TẾ CHĂN NUÔI LỢN THEO VIETGAHP LỢN NÔNG HỘ

1. Nguyên tắc ghi chép

Hàng ngày Ghi chép chi tiết nội dung tất cả các mua bán phát sinh trong ngày bao gồm: mua giống, thức ăn, nguyên liệu thức ăn, thuốc thú y, dụng cụ... và bán các sản phẩm từ chăn nuôi như lợn giống, lợn thịt, phân...

Kết thúc ngày, kê 1 vạch ngang đánh dấu hết nội dung.

2. Các nội dung cần ghi chép

2.1. Mua giống

- Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất.
- Loại lợn (lợn nuôi hậu bị, nuôi thịt...);
- Giống lợn (Duroc, lai $\frac{3}{4}$ Duroc...)
- Số lượng (con), tổng khối lượng (kg);
- Các loại vắc xin đã được tiêm phòng.
- Tổng tiền đã mua (đồng);

2.2. Mua thức ăn/ nguyên liệu thức ăn/thức ăn bổ sung...

- Loại thức ăn (Tã đậm đặc; Tã hoàn chỉnh cho lợn con, Tã hoàn chỉnh cho lợn thịt; ngô; premix Vit...)
- Tên, địa chỉ cơ sở bán thức ăn chăn nuôi;
- Tên cơ sở/công ty sản xuất;
- Số lượng (bao), khối lượng (kg), ngày sản xuất (ngày/tháng);
- Tổng tiền đã mua (đồng);

2.3. Mua thuốc thú y/ hóa chất khử trùng...

- Tên/ loại thuốc thú y/ hóa chất khử trùng...;
- Tên, địa chỉ cơ sở bán;
- Tên cơ sở/công ty sản xuất;
- Ngày sản xuất;
- Tổng tiền đã mua (đồng);

2.4. Mua các vật tư/ thiết bị/ dụng cụ chăn nuôi khác

- Loại vật tư/ thiết bị dụng cụ
- Tổng tiền đã mua (đồng);

2.5. Mua nhiên liệu (củi, than, gas, trả tiền điện ...)

- Tổng tiền đã mua nhiên liệu (đồng)

2.6. Bán các sản phẩm chăn nuôi lợn

- Tên loại sản phẩm bán (lợn giống, lợn thịt, phân lợn, gas...);
- Tên, địa chỉ, số điện thoại người mua;
- Số thẻ tai/ ô chuồng (nếu là lợn thịt);
- Số lượng (con), tổng khối lượng (kg);
- Tổng tiền đã bán (đồng).

3. Hạch toán kinh tế

Hạch toán kinh tế trong chăn nuôi lợn theo hộ/năm

3.1. Tổng thu/năm:

- + Thu từ bán lợn (thịt, con giống, nái loại...)
- + Thu từ bán phân
- + Thu từ tiết kiệm chất đốt và điện do sử dụng Biogas
- + Thu khác (bán gas ...)

3.2. Tổng chi/năm:

- + Chi phí mua con giống
- + Chi phí mua thức ăn
- + Chi phí mua thuốc thú y, vắc xin, tiêm phòng, thuốc khử trùng.
- + Chi phí điện, nước, vật rẻ...
- + Chi phí khấu hao chuồng trại
- + Chi phí nhân công lao động
- + Chi cho Lãi xuất vay
- + Chi phí khác..

$$\text{Lãi ròng/hộ/năm (đồng)} = \text{Tổng thu (đồng)} - \text{Tổng chi (đồng)}$$

BIỂU HẠCH TOÁN KINH TẾ CHĂN NUÔI LỢN THEO VIETGAHP LỢN NÔNG HỘ

Ngày tháng	Nội dung mua - bán trong ngày	Số lượng	Thành tiền	
			Mua	Bán
10/10	- Mua 20 con lợn giống nuôi thịt tại nhà ông B, thôn C, xã D, huyện E, tỉnh F; đã phòng Phó thương hàn và Dịch tả	300kg	21.000.000 đ	
	- Mua 01 bao thức ăn đậm đặc ĐT10 của Công ty ABC, sản xuất ngày 05/10/2015, Đại lý ông Hai, thôn Y, xã G, huyện K, tỉnh F.	25 kg	450.000 đ	
	- Mua 01 bao ngô nghiền tại nhà ông Ba, thôn Y, xã G, huyện K, tỉnh F.	50kg	350.000 đ	
	- Mua 01 bao cám gạo tại nhà ông Bốn, thôn Y, xã G, huyện K, tỉnh F	30 kg	150.000 đ	
13/10	- Mua 10 bao thức ăn hỗn hợp HT30 của Công ty ABC tại nhà ông Hai, thôn Y, xã G, huyện K, tỉnh F. Ngày SX:28/10/2015	250 kg	2.100.000 đ	
.....				
27/10	- Mua 01 lọ Vắc xin Dịch tả lợn loại 10 liều của Công ty DEF tại trạm thú y huyện K; ngày sản xuất 15/09/2015	01 lọ	25.000 đ	
	- Mua xilanh + kim tiêm	01 bộ	100.000đ	
12/11	- Mua 02 lọ thuốc Macoxin loại 100ml của công ty DEF tại trạm thú y huyện K; ngày sản xuất 28/09/2015;	02 lọ	80.000đ	
11/12	- Bán phân lợn cho ông ông Z, thôn M, xã G, huyện K, tỉnh F	100 kg		400.000đ
.....
20/01	Bán 05 con lợn thịt ô số 2, cho ông H, thôn T, Xã G, huyện K, tỉnh F, đt 090*****; số thẻ tai gồm 000567, 000568, 000572, 000573, 000576	405 kg		26.500.000 đ

II. HƯỚNG DẪN GHI CHÉP NHẬT KÝ CHĂN NUÔI THEO QUY TRÌNH VIETGAHP LỢN NÔNG HỘ

1. Nguyên tắc ghi chép

Hàng ngày Ghi chép chi tiết nội dung tất cả các hoạt động kỹ thuật phát sinh trong ngày bao gồm: chu chuyển đàn lợn; ghép đàn lợn; trộn thức ăn; cho ăn; thực hiện vệ sinh thú y; công tác thú y tiêm phòng...

Kết thúc ngày, kẻ 1 vạch ngang đánh dấu hết nội dung.

2. Các nội dung phải ghi chép

2.1. Chu chuyển, ghép đàn giống.

- Số ô chuồng thả lợn.
- Số lượng lợn/ô.

2.2. Bấm thẻ tai.

- Số ô chuồng, lượng lợn được bấm thẻ, số hiệu từng thẻ.

2.3. Tự trộn thức ăn:

- Tên công thức thức ăn: công thức số...cho lợn...
- Thành phần tỷ lệ các nguyên liệu TĂ (ghi lần đầu và khi thay đổi công thức).
- Tổng khối lượng đã trộn (kg).

2.4. Dùng thuốc, thức ăn bổ sung trong thức ăn/nước uống.

- Tên thuốc/thức ăn bổ sung.
- Liều lượng đã dùng (số lượng thuốc, thức ăn bổ sung /số lượng thức ăn, nước).

2.5. Cho ăn hàng ngày.

- Loại thức ăn, số lượng lợn, số lượng thức ăn.

2.6. Phòng bệnh và điều trị bệnh.

- Nếu lợn bị bệnh, cần ghi rõ triệu chứng trước.
- Số ô chuồng/chuồng sử dụng, Tên loại vắc xin/thuốc thú y đã sử dụng, Ngày sản xuất, Liều lượng sử dụng.

2.7. Khử trùng chuồng trại.

- Số ô chuồng/chuồng sử dụng, Tên loại thuốc/hóa chất khử trùng, cơ sở sản xuất, ngày sản xuất, liều lượng pha, tổng số dung dịch được pha đã dùng.

2.8. Diệt chuột.

- Phương pháp diệt chuột, Tên loại thuốc/hóa chất diệt chuột, tên nhà sản xuất, Liều lượng pha.

2.9. Xử lý xác lợn chết.

- Số ô chuồng, Số lượng con chết, biểu hiện triệu chứng/bệnh tích, chẩn đoán bệnh, phương pháp xử lý xác lợn chết.

2.10. Khách thăm quan.

- Số lượng, tên, địa chỉ của khách tham quan

2.11. Xuất bán sản phẩm.

- Số ô chuồng, Số lượng lợn (con);

BIỂU NHẬT KÝ CHĂN NUÔI THEO QUY TRÌNH VIETGAHP LỢN NÔNG HỘ

Ngày tháng	Nội dung thực hiện	Ghi chú
10/10	- Nhập lợn 20 con, Ô số 1: 5con, số: 000567; 000568; 000569; 000570; 000571 Ô số 2: 5con, số: 000567; 000568; 000569; 000570; 000571 Ô số 3: 5con, số: 000567; 000568; 000569; 000570; 000571 Ô số 4: 5con, số: 000567; 000568; 000569; 000570; 000571 - Trộn 150kg thức ăn công thức số 01 cho lợn choai. Tỷ lệ: Đạm đặc H213: 26; ngô: 28; tấm: 22; cám gạo: 24 - Trộn mix MD MIX11, liều 1kg/100kg, trộn 250g/50kg	
12/10	- Khử trùng quanh chuồng, bằng thuốc ABC của cty DEF, liều pha 25ml/10 lít nước, dùng hết 20 lít. - Diệt chuột bằng đặt bẫy lồng.	
27/11	- 2 người thăm quan chuồng, ông Nguyễn Văn A ở thôn B, xã C huyện D.	

BIỂU GHI CHÉP SỬ DỤNG THỨC ĂN

Ngày tháng	Loại thức ăn	Số lợn	Khối lượng thức ăn	Ghi chú
10/10	Công thức 1 Con cò C17	20 10	20,5 kg 32 kg	Đang dùng thuốc kháng sinh